TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU PHONG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Điệp và ông Nguyễn Hữu Thành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Quảng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Phong.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hoài Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn BT, xã TL, huyện TP, tỉnh QT, có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn BT, xã TL, huyện T P, tỉnh QT, vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn L, yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TP, tỉnh QT vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống ở nhà bố mẹ chồng tại thôn BT, xã TL, huyện TP, tỉnh QT. Vợ chồng sống hòa thuận cho đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông L thường ham chơi, không quan tâm đến gia đình dẫn đến việc bà N nộp đơn ly hôn, nhưng sau đó vợ chồng được đoàn tụ, bà N đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau thời gian đoàn tụ vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần bà N cố gắng bỏ qua tất cả vì cuộc sống gia đình nhưng ông L vẫn không thay đổi. Vì vậy bà N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện TP giải quyết cho bà N những việc sau đây:

Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị N xin ly hôn ông Lê Văn L.

Về con chung: Quá trình hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/9/2013. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị N có nguyện vọng được trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Nhật A và không yêu cầu ông Long cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải tại tòa án theo thủ tục hòa giải viên ngày 01/11/2022, ông Lê Văn L có trình bày như sau: Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến cô Nguyễn Thị N về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tôi vẫn thương vợ, thương con nên tôi không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa hòa giải cho chúng tôi được đoàn tụ.

Về con chung: Vì không đồng ý ly hôn nên ông L không trình bày về các vấn đề trên.

Về tài sản chung và nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên mặc dù đã được Tòa án thông báo, giải thích nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông L không trình bày quan điểm về tài sản chung, nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 09/02/2023, UBND xã TL cho biết: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn L, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã TL, huyện TP, tỉnh QT và sinh sống tại địa phương từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp. Tháng 7/2022 bà N đã đưa theo cháu A về nhà mẹ đẻ sinh sống. Về con chung có 01 cháu Lê Nguyễn Nhật A sinh ngày 05/9/2013, nếu ly hôn Tòa giải quyết theo cơ sở nguyện vọng của cháu.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Văn L. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/9/2013. Bà N không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn L được Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý

giải quyết theo thủ tục hòa giải viên. Quá trình hòa giải, đối thoại tại Tòa án không thành công do phía nguyên đơn yêu cầu không tiếp tục hòa giải, đối thoại. Vì vậy hòa giải viên đã căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40; khoản 1 Điều 41 Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án để lập biên bản chấm dứt hòa giải vào ngày 01/11/2022 và chuyển đơn, tài liệu kèm theo cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án theo thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2022 của bà Nguyễn Thị N xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 vào ngày 16/12/2022 và lần 2 vào ngày 17/02/2023. Ngoài ra ông L còn vắng mặt không lý do trong phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2023. Qua xác minh tại địa phương, hiện ông L vẫn có mặt tại địa phương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị N yêu nhau, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TP vào năm 2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn ông L và bà N chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông L không tu chí làm ăn chỉ mãi ăn chơi, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường hay cãi vã, lời qua tiếng lại với nhau. Điều này dẫn đến việc bà N nộp đơn ly hôn nhưng sau đó vợ chồng đoàn tụ và bà N đã rút đơn khởi kiện, Tòa án cũng đã ra quyết định đình chỉ vụ án theo Quyết định số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2022. Tuy nhiên kể từ khi vợ chồng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không cải thiện, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn cứ lặp đi lặp lại và ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có sự quan tâm trao đổi với nhau, đời sống chung của vợ chồng từ lâu không còn tồn tại nên kể từ tháng 7/2022 bà N đã đưa cháu A về nhà bố mẹ ruột của mình ở cùng thôn Ba Tư, xã Triệu Lăng sinh sống, vợ chồng đã chính thức sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Căn cứ qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông L và bà N tại UBND xã TL, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với lời trình bày của bà N. Qua đó Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của ông L và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho bà N được ly hôn với ông L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/9/2013. Ngày 14 tháng 12 năm 2022 Tòa án có lập biên bản lấy ý kiến cháu A theo đó cháu trình bày mong muốn được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị N để cháu có được sự chăm sóc cũng như điều kiện học tập tốt nhất. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu A cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/9/2013 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Lê Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000277 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong (bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lê Văn L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng trị xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh, VKS tỉnh Quảng Trị;
- VKS, CA huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS h. Triệu Phong;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Triệu Lăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Đăng Khoa